

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2013

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2013

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Cát Thị Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		97.602.812.709	108.581.623.788
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.545.454.763	28.494.352.827
111	1. Tiền		10.545.454.763	16.394.352.827
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	12.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.450.000.000	1.050.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.450.000.000	1.050.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.998.209.846	24.080.981.457
131	1. Phải thu của khách hàng		20.509.310.627	23.174.099.573
132	2. Trả trước cho người bán		3.226.150.434	862.249.759
135	5. Các khoản phải thu khác	5	657.159.164	439.042.504
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(394.410.379)
140	IV. Hàng tồn kho	6	51.023.843.597	53.619.201.199
141	1. Hàng tồn kho		51.023.843.597	53.619.201.199
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.585.304.503	1.337.088.305
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.034.902.542	976.060.441
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		360.209.618	157.303.262
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	189.533.146	188.889.095
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		659.197	14.835.507
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		120.233.024.907	122.007.434.878
220	II. Tài sản cố định		63.341.405.677	65.015.630.729
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	57.542.706.979	59.285.821.387
222	- Nguyên giá		135.648.064.698	135.986.187.806
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78.105.357.719)	(76.700.366.419)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	5.325.657.765	5.492.156.251
228	- Nguyên giá		6.877.380.488	6.924.492.488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.551.722.723)	(1.432.336.237)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	473.040.933	237.653.091
240	III. Bất động sản đầu tư	11	39.815.776.946	40.780.570.655
241	- Nguyên giá		52.481.862.189	52.481.862.189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.666.085.243)	(11.701.291.534)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	10.714.311.636	10.473.269.844
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		10.591.982.436	10.350.940.644
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.361.530.648	5.737.963.650
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.315.530.648	5.691.963.650
268	3. Tài sản dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		217.835.837.616	230.589.058.666

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		25.106.729.148	38.290.188.773
310	I. Nợ ngắn hạn		25.106.729.148	38.290.188.773
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	11.971.612.801	15.118.806.719
312	2. Phải trả người bán		6.203.160.952	6.989.445.601
313	3. Người mua trả tiền trước		587.357.497	540.848.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	400.175.651	9.124.116.956
315	5. Phải trả người lao động		833.734.837	1.989.560.749
316	6. Chi phí phải trả		80.438.000	3.938.499
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	5.190.551.896	4.484.129.918
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(160.302.486)	39.341.831
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		193.905.621.457	193.459.644.378
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	193.905.621.457	193.459.644.378
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.477.656.109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(324.576.868)	(770.553.947)
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		(1.176.512.989)	(1.160.774.485)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		217.835.837.616	230.589.058.666

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.388.433.438	10.522.420
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Đô la Mỹ (USD)		5.767,26	-
- Đồng Euro (EUR)		310,58	316,04

TP HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	55.893.307.168	65.157.910.072
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	111.965.928	62.040.601
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	55.781.341.240	65.095.869.471
11	4. Giá vốn hàng bán	21	53.053.756.296	63.928.054.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.727.584.944	1.167.815.179
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	922.896.703	528.049.808
22	7. Chi phí tài chính	23	416.910.170	1.574.948.116
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		284.976.328	852.973.305
24	8. Chi phí bán hàng		786.042.420	688.867.382
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.239.970.440	2.034.311.449
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		207.558.617	(2.602.261.960)
31	11. Thu nhập khác		134.032.326	379.191.306
32	12. Chi phí khác		151.040.224	846.348.887
40	13. Lợi nhuận khác		(17.007.898)	(467.157.581)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		241.041.792	639.469.428
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		431.592.511	(2.429.950.113)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	247.049	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		431.345.462	(2.429.950.113)
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(15.738.504)	(301.081.234)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		447.083.966	(2.128.868.879)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	91	(433)

TP HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		431.592.511	(2.429.950.113)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.899.907.478	5.691.769.281
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		42.629.610	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.118.456.682)	95.145.263
06	- Chi phí lãi vay		284.976.328	852.973.305
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.540.649.245	4.209.937.736
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		102.317.465	4.342.363.840
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.595.357.602	(1.661.153.926)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.832.682.891)	3.195.162.921
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.682.409.099)	(2.005.742.979)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(288.914.827)	(852.973.305)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(146.642.204)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		34.604.030	558.275.825
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(165.291.221)	(1.312.551.483)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.696.369.696)	6.326.676.425
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.494.785.084)	(1.090.835.324)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	317.863.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(4.450.000.000)	(5.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		164.495.273	300.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		668.247.890	338.939.988
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.112.041.921)	(5.434.031.700)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		15.499.519.759	26.782.737.119
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(18.642.506.443)	(28.439.929.775)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(2.941.504.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.142.986.684)	(4.598.697.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**(Theo phương pháp gián tiếp)*

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(13.951.398.301)	(3.706.052.331)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	28.494.352.827	28.653.215.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.500.237	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	<u>3</u> <u>14.545.454.763</u>	<u>24.947.162.937</u>

TP HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Sản xuất và dịch vụ

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

Công ty có các công ty liên doanh sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy
Công ty CP Y khoa Song An (*)	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Y tế, bệnh viện

(*) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Xuất bán phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội- ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2012, sản phẩm túi xốp của Công ty bị đánh thuế bảo vệ môi trường với số tiền 40.000/kg. Tuy nhiên, từ năm 2013, Công ty đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận sản phẩm túi xốp thân thiện với môi trường nên đã đăng ký với cơ quan thuế và không phải chịu thuế bảo vệ môi trường với các sản phẩm này.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.5 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6 . Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.7 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa 3 năm.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 - 35 năm

2.14 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.20 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.21 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	5.941.434.211	8.769.495.849
Tiền gửi ngân hàng	8.604.020.552	7.624.856.978
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	12.100.000.000
	14.545.454.763	28.494.352.827

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	5.450.000.000	1.050.000.000
	5.450.000.000	1.050.000.000

(*) Số dư là các khoản cho cán bộ công nhân viên và Công ty liên doanh vay với thời hạn dưới 01 năm, lãi suất bằng lãi suất tại Ngân hàng thương mại Công ty đang giao dịch.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	32.495.872
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	5.734.564
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	1.911.523
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376.000.000	188.000.000
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	21.167.000	-
Phải thu khác	259.992.164	210.900.545
	657.159.164	439.042.504

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.937.233.522	35.536.587.798
Công cụ, dụng cụ	2.017.838.063	867.449.720
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.299.561.568	1.082.745.985
Thành phẩm	9.226.090.760	14.133.245.464
Hàng hoá	1.543.119.684	1.999.172.232
	51.023.843.597	53.619.201.199

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	148.892.182	149.139.231
Thuế Thu nhập cá nhân	13.086.654	12.195.554
Các loại thuế khác	27.554.310	27.554.310
	189.533.146	188.889.095

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.237.885.093	686.607.395	6.924.492.488
Giảm khác	-	(47.112.000)	(47.112.000)
Số dư cuối kỳ	6.237.885.093	639.495.395	6.877.380.488
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.083.225.550	349.110.687	1.432.336.237
Trích khấu hao	74.705.208	74.653.369	149.358.577
Giảm khác	-	(29.972.091)	(29.972.091)
Số dư cuối kỳ	1.157.930.758	393.791.965	1.551.722.723
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.154.659.543	337.496.708	5.492.156.251
Số dư cuối kỳ	5.079.954.335	245.703.430	5.325.657.765

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	473.040.933	237.653.091
- Dự án Nhà xưởng tại 47 Âu Cơ	90.909.091	90.909.091
- Dự án Xây dựng nhà Lưu trú Công Nhân	20.400.000	20.400.000
- Dự án hoàn thiện Trung tâm hội nghị tiệc cưới và giải trí Unique	361.731.842	126.344.000
	473.040.933	237.653.091

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	52.481.862.189	52.481.862.189
Số dư cuối kỳ	52.481.862.189	52.481.862.189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	11.701.291.534	11.701.291.534
Trích khấu hao	964.793.709	964.793.709
Số dư cuối kỳ	12.666.085.243	12.666.085.243
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	40.780.570.655	40.780.570.655
Số dư cuối kỳ	39.815.776.946	39.815.776.946

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.591.982.436	10.350.940.644
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	8.277.788.916	7.697.154.631
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	2.314.193.520	2.653.786.013
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
	10.714.311.636	10.473.269.844

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai (7.315 cổ phiếu)	62.829.200	62.829.200
Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.950 cổ phiếu)	59.500.000	59.500.000
	122.329.200	122.329.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.771.553.827	651.369.242
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	43.540.000	62.781.667
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	623.438.624	629.741.839
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	903.116.658	820.797.976
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	201.138.119	109.166.168
Chi phí duy trì tên miền	-	22.052.496
Module SG P6-16x32-B và bộ nguồn VAT-H300-5-ST	549.912.184	950.511.951
Vật tư gắn vào màn hình Led P6	59.483.339	285.080.517
Module màn hình P16	342.070.129	352.070.129
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	1.821.277.768	1.807.641.665
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	750.000
	6.315.530.648	5.691.963.650

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	11.971.612.801	11.087.651.459
Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch Tân Bình	-	4.031.155.260
	11.971.612.801	15.118.806.719

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0348/TaB1/12LD ngày 28/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm kinh doanh dịch vụ giải trí và văn phòng cho thuê);
 - + Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng bằng thời hạn rút vốn (+) cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng;
 - + Lãi suất cho vay: theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ;
 - + Số dư tại thời điểm 30/06/2013 là 531.013,79 USD, tương đương với 11.220.321.383 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0084/TaB1/12LD ngày 22 tháng 03 năm 2012 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên Giấy nhận nợ tối đa không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn thương mại, dịch vụ (dưới 6 tháng) đồng Việt
 - + Số dư tại thời điểm 30/06/2013 là 751.291.418 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	62.099.861	93.570.606
Thuế Thu nhập cá nhân	38.075.790	14.911.910
Các loại thuế khác	300.000.000	9.015.634.440
	<u>400.175.651</u>	<u>9.124.116.956</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	48.246.145	6.412.900
Bảo hiểm y tế	5.961.130	1.183.920
Bảo hiểm thất nghiệp	4.327.451	493.300
Phải trả cổ tức cho cổ đông	21.816.000	21.816.000
Quỹ phải trả người lao động	1.834.625.342	2.035.579.342
Phải trả về doanh thu liên kết của tòa nhà Alta - Unique	2.000.000	541.070.651
Phải trả cán bộ công nhân viên	-	1.100.000.000
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	439.440.552	-
Phải trả, phải nộp khác	2.834.135.276	777.573.805
	<u>5.190.551.896</u>	<u>4.484.129.918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013									
Số dư đầu kỳ	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	(827.746.322)	1.242.204.294	2.890.894.333	11.931.180.846	205.098.181.034
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(2.128.868.879)	(2.128.868.879)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	235.451.815	-	(235.451.815)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(2.940.281.400)	(2.940.281.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(235.451.816)	(235.451.816)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	827.746.322	-	-	-	827.746.322
Số dư cuối kỳ	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	6.391.126.936	200.621.325.261
6 tháng đầu năm 2012									
Số dư đầu kỳ	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(770.553.947)	193.459.644.378
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	447.083.966	447.083.966
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.106.887)	(1.106.887)
Số dư cuối kỳ	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(324.576.868)	193.905.621.457

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9.015.820.000	16,83%	9.015.820.000	16,83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Ông Hoàng Văn Điều	4.964.500.000	9,27%	4.464.500.000	8,34%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3.052.000.000	5,70%	3.052.000.000	5,70%
Các cổ đông khác	30.009.970.000	56,03%	30.509.970.000	56,96%
	53.562.120.000	100%	53.562.120.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	53.562.120.000	53.562.120.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.940.281.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	2.940.281.400

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.920.398	4.920.398
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	38.608.925.610	44.407.196.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.284.381.558	20.750.713.665
	55.893.307.168	65.157.910.072

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	111.965.928	62.040.601
	111.965.928	62.040.601

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	38.496.959.682	44.345.155.806
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.284.381.558	20.750.713.665
	55.781.341.240	65.095.869.471

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	36.314.011.492	44.419.328.197
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.739.744.804	19.508.726.095
	53.053.756.296	63.928.054.292

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	501.414.890	432.939.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	376.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	45.481.813	95.109.820
	922.896.703	528.049.808

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	284.976.328	852.973.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	89.304.232	721.974.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	42.629.610	-
	416.910.170	1.574.948.116

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	247.049	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	247.049	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(149.139.231)	465.735.395
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(146.642.204)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(148.892.182)	319.093.191

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	447.083.966	(2.128.868.879)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	447.083.966	(2.128.868.879)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.920.398	4.920.398
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	91	(433)

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.208.298.039	47.154.693.549
Chi phí nhân công	8.653.618.990	5.946.643.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.645.670.902	3.509.244.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.495.209.737	9.329.953.459
Chi phí khác bằng tiền	1.076.971.488	710.698.526
	56.079.769.156	66.651.233.123

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.545.454.763	-	28.494.352.827	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.166.469.791	(394.410.379)	23.613.142.077	(394.410.379)
Đầu tư ngắn hạn	5.450.000.000	-	1.050.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	41.284.253.754	(394.410.379)	53.279.824.104	(394.410.379)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Các loại công cụ tài chính của Công ty (tiếp theo)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.971.612.801	15.118.806.719
Phải trả người bán, phải trả khác	11.393.712.848	11.473.575.519
Chi phí phải trả	80.438.000	3.938.499
	23.445.763.649	26.596.320.737

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.545.454.763	-	-	14.545.454.763
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.772.059.412	-	-	20.772.059.412
Đầu tư ngắn hạn	5.450.000.000	-	-	5.450.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<u>40.767.514.175</u>	<u>122.329.200</u>	<u>-</u>	<u>40.889.843.375</u>
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.494.352.827	-	-	28.494.352.827
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.218.731.698	-	-	23.218.731.698
Đầu tư ngắn hạn	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<u>52.763.084.525</u>	<u>122.329.200</u>	<u>-</u>	<u>52.885.413.725</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	24.325.099.591	103.026.394.017	7.705.879.272	698.277.218	230.537.708	135.986.187.806
Mua sắm mới	87.913.000	2.290.058.738	983.005.455	133.807.891	-	3.494.785.084
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.412.774.160)	-	-	-	(2.412.774.160)
Giảm khác (*)	-	(1.002.092.089)	(23.809.520)	(394.232.423)	-	(1.420.134.032)
Số dư cuối kỳ	24.413.012.591	101.901.586.506	8.665.075.207	437.852.686	230.537.708	135.648.064.698
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	11.203.494.488	59.066.000.857	5.906.723.189	405.198.403	118.949.482	76.700.366.419
Trích khấu hao	692.430.136	3.805.561.315	216.727.082	53.597.436	17.439.223	4.785.755.192
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.297.163.556)	-	-	-	(2.297.163.556)
Giảm khác (*)	-	(732.720.939)	(23.809.520)	(327.069.877)	-	(1.083.600.336)
Số dư cuối kỳ	11.895.924.624	59.841.677.677	6.099.640.751	131.725.962	136.388.705	78.105.357.719
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	13.121.605.103	43.960.393.160	1.799.156.083	293.078.815	111.588.226	59.285.821.387
Số dư cuối kỳ	12.517.087.967	42.059.908.829	2.565.434.456	306.126.724	94.149.003	57.542.706.979

(*) Điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	11.971.612.801	-	-	11.971.612.801
Phải trả người bán, phải trả khác	11.393.712.848	-	-	11.393.712.848
Chi phí phải trả	80.438.000	-	-	80.438.000
	<u>23.445.763.649</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.445.763.649</u>
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	15.118.806.719	-	-	15.118.806.719
Phải trả người bán, phải trả khác	11.473.575.519	-	-	11.473.575.519
Chi phí phải trả	3.938.499	-	-	3.938.499
	<u>26.596.320.737</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.596.320.737</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	<u>Hoạt động sản xuất</u> VND	<u>Hoạt động dịch vụ</u> VND	<u>Tổng cộng toàn</u> <u>doanh nghiệp</u> VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.496.959.682	17.284.381.558	55.781.341.240
Chi phí bộ phận trực tiếp	36.314.011.492	16.739.744.804	53.053.756.296
Lợi nhuận gộp	<u>2.182.948.190</u>	<u>544.636.754</u>	<u>2.727.584.944</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	109.452.344.756	75.658.367.755	185.110.712.511
Tài sản không phân bổ	-	-	32.725.125.105
Tổng tài sản	<u>109.452.344.756</u>	<u>75.658.367.755</u>	<u>217.835.837.616</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	17.165.011.301	4.978.740.189	22.143.751.490
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.962.977.658
Tổng nợ phải trả	<u>17.165.011.301</u>	<u>4.978.740.189</u>	<u>25.106.729.148</u>

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng</u> <u>đầu năm 2013</u> VND	<u>6 tháng</u> <u>đầu năm 2012</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	866.716.834	832.299.189
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	265.823.565	273.494.473
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	602.000	46.213.000
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	4.086.364	68.822.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376.000.000	282.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	325.184.260	323.748.713
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	321.049.922	320.687.048
Phải thu khác			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376.000.000	188.000.000
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	12.167.000	-
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	34.552.000
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	64.655.649

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	139.013.000	418.889.500

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

TP HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều